

TÍNH NHÂN DÂN NHƯ LÀ THUỘC TÍNH QUAN TRỌNG HÀNG ĐẦU TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Bá Thành
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: bathanhnguyen@gmail.com

/Ngày nhận bài: 07/03/2025

/Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 15/03/2025

/Ngày chấp nhận đăng: 10/04/2025

TÓM TẮT

Bài viết tập trung làm rõ vai trò và nội hàm của tính nhân dân trong bối cảnh văn học Việt Nam hiện nay. Dựa trên việc điểm lại quá trình lịch sử của văn học gắn liền với thuộc tính này, bên cạnh những thuộc tính quan trọng khác như: tính đảng, tính giai cấp và tính dân tộc. Đồng thời, bài viết nhấn mạnh sự cần thiết phải rà soát và điều chỉnh hệ thống lý luận văn học nghệ thuật để phù hợp với nhận thức đương đại. Tiếp cận vấn đề bằng phương pháp biện chứng, đặt văn học trong mối liên hệ với lịch sử và thể chế chính trị, bài viết khẳng định tính nhân dân là khái niệm chỉ mối liên hệ giữa văn học nghệ thuật và nhân dân, trong đó nhân dân với vai trò là chủ nhân của lịch sử và là tiêu chuẩn quan trọng đánh giá chất lượng tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm.

Từ khóa: Tính dân nhân, văn học, lý luận văn học, thể chế chính trị

THE PEOPLE'S CHARACTER AS A FUNDAMENTAL ATTRIBUTE IN CONTEMPORARY VIETNAMESE LITERATURE

ABSTRACT

This article focuses on clarifying the role and conceptual content of the people's character (tính nhân dân) in the context of contemporary Vietnamese literature and arts. It revisits the historical development of literature closely associated with this attribute, alongside other essential characteristics such as party character, class character, and national character. At the same time, the article emphasizes the necessity of reviewing and adjusting the theoretical framework of literature and arts to align with contemporary understandings. By adopting a dialectical approach and situating literature within its historical and political institutional context, the article asserts that the people's character refers to the relationship between literature and the people - where the people are seen as the true subjects of history and serve as a vital criterion for assessing the ideological and artistic quality of literary works.

Keywords: People's character, literature, Literary Theory, political institutions

1. MỞ ĐẦU

Ba mươi năm đầu của văn học dưới chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tính nhân dân được coi là một trong bốn thuộc tính căn bản của văn học, đặc biệt là văn học cách mạng: tính Đảng, tính giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân. Hầu hết các giáo trình giảng dạy đại học, sách lý luận văn học ở Việt Nam từ hơn nửa thế kỷ trước đã đề cập và bàn sâu, đề cao cả bốn thuộc tính, trong đó, tính giai cấp được coi là thuộc tính quan trọng nhất, sau đó là tính Đảng Cộng sản, “linh hồn của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa”. Tính dân tộc và tính nhân dân cũng là những thuộc tính được coi là rất căn bản và có vẻ ổn định. Chẳng hạn, một cuốn đại từ điển như Từ điển văn học (Bộ mới, 2004) đã bỏ hai mục từ “tính giai cấp” và “tính đảng” của văn học nghệ thuật. Riêng tính nhân dân và tính dân tộc vẫn được giữ lại và có cách viết mới hơn. “tính nhân dân” do Nguyễn Văn Hạnh và “tính dân tộc” do Lại Nguyên Ân viết. Tuy nhiên, còn hàng trăm bài viết khác của các giáo sư,

nhà lý luận phê bình, và văn nghệ sĩ khác, nhưng thông điệp thay đổi cũng cơ bản của “tính nhân dân” theo cách hiểu của giai đoạn trước đều có nét tương đồng như thế, chúng tôi chỉ lấy hai ý kiến của Nguyễn Xuân Nam và Nguyễn Văn Hạnh.

Như vậy dễ thấy có một thực trạng là hệ thống lý luận văn học nghệ thuật đang đòi hỏi được rà soát lại, kiểm kê lại để bổ sung và điều chỉnh theo một nhân quan mới, cách nghĩ mới, cặp với trình độ nhận thức của người đọc trong đời sống văn hóa tinh thần hiện nay. Đó là cơ sở để thiết lập một hệ giá trị chuẩn cho văn học nghệ thuật Việt Nam hiện nay. Chúng tôi bàn về “tính nhân dân” trong văn học nghệ thuật theo cách nghĩ ấy.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để có cái nhìn mang tính khách quan, biện chứng về tính nhân dân - như là một thuộc tính quan trọng của văn học, bài viết này lựa chọn cách tiếp cận khoa học

biện chứng, đặt văn học trong mối liên hệ mật thiết với lịch sử, thể chế chính trị, mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân. Phương pháp này được thể hiện xuyên suốt quá trình nghiên cứu thông qua việc xem xét “tính nhân dân” không phải là một phạm trù tĩnh tại mà là một khái niệm vận động, phát triển trong mối tương quan biện chứng với các yếu tố lịch sử, chính trị, xã hội. Bài viết đặt “tính nhân dân” trong dòng chảy lịch sử văn học Việt Nam hiện đại, từ giai đoạn văn học dưới chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với bốn thuộc tính cơ bản đến sự thay đổi quan niệm trong bối cảnh hiện nay.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Quan niệm về “Tính nhân dân” trong văn học Việt Nam

Tính nhân dân được coi là “khái niệm chỉ mối liên hệ giữa văn học nghệ thuật và nhân dân”. Cả Nguyễn Xuân Nam² và Nguyễn Văn Hạnh đều ghi rõ như thế. Cả hai ông đều phân tích mối quan hệ giữa nhân dân với lịch sử và nhân dân với văn học nghệ thuật trên quan điểm, nhân dân là người chủ nhân của lịch sử, “tính nhân dân bao hàm một ý nghĩa tích cực, và trở thành một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá chất lượng tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm và nhà văn” (Nguyễn Xuân Nam). Các bài viết trên đây đã nêu rõ tầm quan trọng của tính nhân dân, và tính nhân dân “được ý thức một cách sâu sắc và nêu lên như một khái niệm có tầm quan trọng hàng đầu, một tiêu chuẩn về giá trị của văn học nghệ thuật ở Tây Âu thế kỷ XVIII và các nhà dân chủ cách mạng Nga thế kỷ XIX, và trở thành một phạm trù mỹ học có ý nghĩa cơ bản trong văn học nghệ thuật tiến bộ hiện đại” (Nguyễn Văn Hạnh). Tuy nhiên, bài viết của Nguyễn Xuân Nam đã nhấn mạnh hơn so với bài viết của Nguyễn Văn Hạnh về yếu tố giai cấp trong tính nhân dân. “Phải căn cứ vào tính giai cấp của bộ phận giai cấp có tính tích cực nhất trong nhân dân, đang lãnh nhiệm vụ trong việc đi đầu thúc đẩy xã hội tiến lên, mà đánh giá mức độ sâu sắc của tính nhân dân” (Nguyễn Xuân Nam). Có lẽ cái tinh thần giai cấp ấy vào năm 1984, đã làm cho bài viết của Nguyễn Xuân Nam bị thay thế bởi bài viết của Nguyễn Văn Hạnh vào năm 2004. Nguyễn Văn Hạnh không nhắc đến tính giai cấp trong tính nhân dân, mà ông yêu cầu văn học nghệ thuật phải “liên hệ mật thiết với cuộc sống của nhân dân... phục vụ nhân dân, thể hiện được tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân”. Nhưng Nguyễn Xuân Nam lại nhận định rất đúng: “Tính nhân dân là một khái niệm biến đổi qua lịch sử, cho nên nội dung cụ thể của tính nhân dân có thể thay đổi qua thời đại”.

Chúng tôi cho rằng, hơn bao giờ hết, lúc này tính nhân dân trong văn học nghệ thuật cần được đặt lên hàng đầu để xem xét, đánh giá tác phẩm văn học nghệ thuật. Nhưng tính nhân dân luôn là một phạm trù có tính lịch sử, tính thời đại. Trong thời cách mạng vô sản, bên

cạnh từ “nhân dân”, còn có một cụm từ được sử dụng để tính phân loại hơn nữa là “nhân dân lao động”.

3.2. “Tính nhân dân” gắn liền với bản chất thể chế chính trị Việt Nam đương đại

Trước hết, tính nhân dân trong văn học ta hiện nay phải bắt đầu từ bản chất của chế độ xã hội. Một chế độ “dân chủ nhân dân” được chính danh hóa trên cấp độ chính quyền và đoàn thể: Ủy ban nhân dân, Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Tòa án nhân dân,... Các danh hiệu khen thưởng cao nhất đều được gắn liền với “nhân dân”: Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Thầy thuốc nhân dân... Quốc hiệu Việt Nam hướng đến tính nhân dân sâu sắc nhất, hoàn hảo nhất của đời sống: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Quốc hiệu là biểu hiện cao nhất lý tưởng xã hội của một chính thể quốc gia. Các nền văn học nghệ thuật của các chính thể trước hết phải mang nhãn hiệu của chính thể. Bởi vậy, các thuật ngữ như Chính thể, Thời, Triều đại, hay Chế độ là những khái niệm đứng đầu cho một nền văn học nghệ thuật dân tộc. Chúng ta đã có cách định danh nền văn học để đối với các nền văn học quá khứ: Văn học thời Lý - Trần, Văn học thời Lê - Nguyễn, Văn học thời Tây Sơn, Văn học Việt Nam thời Pháp thuộc, Văn học thời kháng chiến chống Pháp, Văn học thời kháng chiến chống Mỹ, Văn học Dân chủ Cộng hòa,... Theo logic ấy thì ngày nay chúng ta đang nói về việc xây dựng hệ giá trị cho một nền Văn học Việt Nam dưới Chính thể Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa.

Chúng ta đã có một chính thể được tạo nên bằng máu và nước mắt của hàng triệu người dân trong gần cả thế kỷ (từ đầu thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI), và quốc hiệu sinh để bảo vệ Tổ quốc dưới chính thể đó, người Việt đã đạt được mục đích ban đầu cao cả nhất mà chúng ta hằng mong mỏi: Nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là một mục tiêu đã trở thành một niềm tin, một lẽ sống, một khát vọng, một mục tiêu mà hàng triệu người Việt Nam đã đấu tranh lật đổ những thế lực thống trị nửa thế kỷ qua.

Nền văn học nghệ thuật cách mạng Việt Nam 1930 - 1975 là một nền là một nền văn học mang đậm tính lý tưởng. Nhưng từ sau năm 1975, đặc biệt là từ sau năm 1986, khi ngọn lửa từ các cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc và phía Nam về cơ bản đã được dập tắt, văn học trở lại với hiện thực đời thường. Nền văn học cách mạng Việt Nam ra khỏi các cuộc chiến chống giặc ngoại xâm, trở lại vị trí xuất phát có tính hậu phương, không còn tuyến lửa, không còn mặt trận theo nghĩa đen. Một giai đoạn mới đã bắt đầu. Trong văn học nghệ thuật lắng dần tiếng reo vui ồn ào lên đường, lắng dần những bài ca ra trận, dạt dào tiếng hát đồng ca, hành quân xa... Giờ đây văn học nghệ

thuật chỉ còn hiện thực đời sống cơm áo thường ngày.

Một nền văn học mang tính thời bình đã bắt đầu hiện rõ. Đây lại là thời kỳ mở đầu của quốc hiệu mới: “Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Mười năm đầu tiên mang quốc hiệu mới ấy (1976 - 1986) là 10 năm hết sức khó khăn, gian truân nhất của đất nước. Cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, hàng chục ngàn hợp tác xã nông nghiệp, tư cấp thấp, tiến lên cấp cao, hàng ngàn công nhân được làm việc mà không có lương, chủ trương đi dân lên đồi, sống theo các nhóm tập trung để khai hoang, nhường đất cho các vùng trồng lúa cánh đồng mẫu lớn... Nhưng tất cả vẫn là cô thủ, không có hiệu quả, không mấy đổi mới. Con đường nhập khẩu máy móc từ các nước xã hội chủ nghĩa càng ngày càng khó khăn, mặt hàng phải đi đường biển, đi đường bộ, đường sắt qua Trung Quốc bị cấm vận. Đường biển và hàng không qua nhiều nước bị Mỹ cấm vận. Việt Nam thực sự cô lập, khó khăn từ bên trong và cấm vận từ bên ngoài đã làm nền kinh tế Việt Nam kiệt quệ. Hàng hóa mỗi ngày một khan hiếm, vật giá tăng vọt, đồng tiền Việt mất giá trầm trọng. Chính sách Giá-Lương-Tiền không cứu vãn được tình thế mà chỉ đẩy tới sự đói kém tệ hại hơn.

Giữa lúc ấy (1985), người Việt Nam nghe người Nga hô vang khẩu hiệu: “Perestroika!” (tiếng Nga: Перестройка, có nghĩa là “cải tổ”), và sau đó mấy năm, vào 26/12/1991, Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết (tiếng Nga: Союз Советских Социалистических Республик), gọi tắt là Liên Xô (СССР), đã thực sự tan rã. Hai nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa lớn nhất đã sụp đổ hoàn toàn trong tư duy người Việt lúc đó. Một nước biến thành kẻ thù, một nước tan rã. Hình ảnh lý tưởng về Chế độ xã hội chủ nghĩa đã rạn nứt trong phần lớn người Việt Nam vào cuối những năm 80 và những năm 90 của thế kỷ trước

Đại hội Đảng và công cuộc đổi mới ở Việt Nam bắt đầu từ cuối 1986, đầu 1987. Nhờ mở rộng quan hệ và phát triển kinh tế và xã hội mà Việt Nam đã thoát khỏi chế độ quan liêu bao cấp. Thu nhập quốc dân và thu nhập đầu người đã được nâng cao. Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo, nông sản và nhiều sản phẩm nông lâm ngư nghiệp. Việt Nam đã có bước hội nhập kinh tế, nhưng vẫn theo con đường phát triển thận trọng. Cơ cuộc vượt thoát ngoạn mục ấy là nhờ xác định đúng con đường và cách đi: Phát triển kinh tế đi đôi giữ vững ổn định chính trị. Nhưng điều cần ghi nhớ là Việt Nam đã thoát ra được cái tư duy cũ là phát triển kinh tế nhà nước theo các kế hoạch có tính võ đoán, duy ý chí. Phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một chủ trương có tính chiến lược của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Văn học Việt Nam thực sự chuyển mình sau khi có

khẩu hiệu “đổi mới tư duy”. Văn học nghệ thuật giai đoạn cuối những năm 1980, đầu những năm 1990 đã có những tác phẩm lấy nông thôn, nông dân, công nhân nghèo đói, khôn cùng làm đề tài. Một cái nhìn không mang tính lý tưởng mà mang tính hiện thực, nhìn thẳng vào đời sống khôn cùng của người dân. Những bài học nông thôn của Nguyễn Huy Thiệp, Phiên chợ Giát của Nguyễn Minh Châu, Bên kia bờ ảo vọng của Dương Thu Hương... Cùng với thơ của các nhà thơ như Chế Lan Viên, Lữ Huy Nguyên, Nguyễn Duy, Dư Thị Hoàn... và các vở kịch của Lưu Quang Vũ, đã nói lên rằng, văn học nghệ thuật cách mạng đã dần chuyển hóa đề hơi thở nhân sinh xã hội hàng ngày trở thành chất liệu, nó không còn dấu khuôn thành một nền văn học hoành tráng, và hiển nhiên đã phục hồi dòng đời thường của số đông nhân dân.

Khi văn học cách mạng viết về chiến tranh, về khát vọng hòa bình và chủ nghĩa xã hội, nó mang đậm chất lý tưởng. Khi văn học cách mạng viết về cuộc sống đời thường, tự nhiên, nó bỏ rơi tính lý tưởng và thiên về hiện thực, và cũng không hẳn đã đạt được cái yêu cầu của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa là “miêu tả cuộc sống theo chiều hướng phát triển tiến bộ”. Những tác phẩm mang phẩm chất tuyên truyền, quảng cáo trực tiếp cho các chủ trương đường lối của cách mạng đã giảm hẳn. Và “văn học minh họa” hay “văn học phải đạo” là những khái niệm khá gay gắt nhưng không phải là không có lý khi nhìn lại nền văn học nghệ thuật 30 năm dân chủ cộng hòa. Có điều, các nghệ sĩ lúc đó đã bằng lòng với tác phẩm mà mình đã sáng tạo và tự hào vì các tác phẩm ấy đã góp phần vào thắng lợi chung. Cũng nhờ thế mà nền văn học nghệ thuật thời kỳ này đã được đánh giá là nền văn học nghệ thuật “tiên phong chống đế quốc”.

3.3. Nhiệm vụ của văn học nghệ thuật Việt Nam dưới ánh sáng “Tinh thần dân” trong bối cảnh mới

Có thể nhận ra, nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện nay là một nền văn học nghệ thuật dân tộc, một nền văn học nghệ thuật của một quốc gia thống nhất, có một chính thể, một chế độ dân chủ ổn định, vững mạnh. Nhưng nền văn học này không còn mang tính lý tưởng như giai đoạn đầu của cách mạng. Lý tưởng độc lập dân tộc, thống nhất đất nước của những năm 1930 - 1975, là một nguồn cảm hứng lớn lao, mãnh liệt không chỉ của dòng văn học cách mạng mà còn của toàn xã hội. Lý tưởng đó được Đảng Cộng sản phát động và duy trì. Văn học dân tộc giờ đây không chỉ là vũ khí giúp giành chính quyền và bảo vệ chính quyền mà còn được trao thêm nhiều nhiệm vụ khác to lớn hơn nhiều. Nhiệm vụ lớn sẽ tạo ra giá trị và tầm vóc dân tộc và nhân loại cho nó.

Chúng tôi cho rằng, nhiệm vụ của nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện nay vẫn phải trên cơ sở cái thể

ché, cái chính danh, cái lý tưởng mà nhờ đó nó đã sinh ra và tồn tại: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Nền văn học dân tộc hiện đại này có nhiều thành tựu, nhiều thành phần, nhưng bộ phận trọng yếu, góp phần tạo nên bản sắc, bản chất của nó là bộ phận văn học cách mạng của dân tộc. Lý tưởng cách mạng là lý tưởng đầu tiên của nền văn học này, chưa nói là đại bộ phận các nhà văn nghệ sĩ là chủ thể của cả nền văn học nghệ thuật hiện nay vốn là những con người của một đoàn thể cách mạng. Đại đa số tác giả đã sáng tác nên các tác phẩm văn học nghệ thuật đương đại đã gia nhập Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội này được coi là một mặt trận để tập hợp các văn nghệ sĩ trong cả nước. Hội này được xác định là “một tổ chức chính trị, xã hội hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam”.

Một nền văn học nghệ thuật cách mạng trở thành một nền văn học nghệ thuật quốc gia, nhưng nó vẫn mang cái lý tưởng cách mạng ban đầu. Mặc dù về thuộc tính, nó đã bớt đi tính lý tưởng mà thiên về hiện thực. Nhưng lý tưởng cách mạng của nền văn học nghệ thuật hiện nay chưa phải đã được thực hiện hoàn toàn. Đó là điều chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Một nền văn học không mang đậm tính lý tưởng, nhưng cái lý tưởng mà nó phụng sự vẫn nằm ở phía trước. Đó là cái chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản cho dân tộc và nhân loại. Nhưng bản chất cốt lõi của chủ nghĩa xã hội của Việt Nam giờ đây vẫn chính là cái đã được nêu trong quốc hiệu: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”. Trong đó, độc lập là của Tổ quốc, Tự do và Hạnh phúc là của nhân dân.

Giữa lúc mà hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ trên phạm vi thế giới, giữa lúc mà đa phần các nước xã hội chủ nghĩa “anh em” đồ sộ nhất đã chuyển quỹ đạo phát triển quốc gia. Mô hình Chủ nghĩa Cộng sản đối với các nước đó đã không còn như trước đây. Trước tình hình quốc tế đó, nhân dân Việt Nam vẫn giữ vững niềm tin, hàng triệu đảng viên của Đảng tin tưởng và trung thành với Đảng, với thể chế. Đó là sự gắn bó giữa đảng và dân, để cùng xây dựng đất nước. Có được điều đó, không chỉ nhân dân phải biết ơn Đảng, mà ngược lại, Đảng cũng biết ơn nhân dân, cảm ơn Nhân dân như sự trung thành tuyệt đối ấy. Nhưng sự trung thành ấy không chỉ có tác dụng tốt khi đất nước vẫn giữ được độc lập, kinh tế vẫn phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân vẫn không ngừng được nâng cao. Sự trung thành ấy trước hết là của những người dân và những người cán bộ, bộ đội tự động định lý “còn Đảng còn mình”. Nhưng sự trung thành ấy còn là của số đông những người dân đã từng tham gia vào những sự kiện to lớn của quốc gia do Đảng lãnh đạo trong mấy chục năm qua. Bản thân họ, rất yêu mến cách mạng, “Lòng dân yêu Đảng như là yêu con” (Tố Hữu). Có những người có tư duy độc lập, có suy nghĩ riêng thì có thể họ có cách lý giải,

cách góp ý khá trực tiếp. Chúng ta không nên đẩy tất cả các suy nghĩ khác ấy về phía đối kháng, rồi cho vào một cái rọ chung là “thể lực thù địch”, mà phải phân tích, phân loại, thậm chí phải tham khảo để điều chỉnh chế chính sách. Bởi vì trong số các ý kiến khác với tư tưởng chính thống đó, có nhiều ý kiến bắt nguồn từ sự tinh táo khoa học, từ thiện chí muốn góp ý, muốn gìn giữ cái thể chế mà họ đã góp mồ hôi và xương máu ra để tạo dựng và bảo vệ khỏi nguy cơ xuống cấp và bị chủ nghĩa cá nhân lợi dụng.

4. KẾT LUẬN

Với tinh thần trở lại với cội nguồn, chúng tôi cho rằng, cái nội hàm ban đầu của quốc hiệu “Dân chủ Cộng hòa, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” cần được xem là giá trị kinh điển của chính thể này. Chúng ta hãy trở lại với bản chất của quốc hiệu đó. Dù có đổi thành “Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa” thì bản chất của nó vẫn là đạt được Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Đất nước đã có độc lập rồi thì tiếp tục giữ vững độc lập cho đất nước. Còn định danh Tự do, Hạnh phúc chính là nói về dân quyền và dân sinh. Tự do thì nhất định phải bao hàm dân chủ. Nghĩa là đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân luôn luôn được đảm bảo ở mức công bằng, hài hòa giữa các tầng lớp và các vùng miền. “Xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” là cái mục tiêu rất nhiều công sức nghiên cứu, nghị định, tổng kết, cương lĩnh... đã nêu lên. Đó cũng chính là tinh thần nhân văn, chính là bản mệnh mà văn học nghệ thuật luôn luôn phải đảm bảo. Vậy nên, chúng ta hãy lấy các nội dung đó làm tiêu chí, tiêu giá trị cho văn học nghệ thuật nước nhà. Và như vậy, văn học và chính trị lại tiếp tục có chung một mục tiêu, một định hướng, tiếp tục mang phẩm chất cách mạng, phẩm chất vũ khí tư tưởng. Văn học là vũ khí tư tưởng sắc bén, góp phần bảo vệ chính quyền bằng Dân chủ Nhân dân, nhờ Dân chủ Nhân dân, như bản chất của chính thể. Văn học nghệ thuật hiện nay cũng là văn học nghệ thuật nhân dân: của dân, do dân, vì dân. Dân tộc hiện đại hay Dân giàu nước mạnh là mục tiêu chung, tiêu chí chung để phấn đấu. Chân, Thiện, Mỹ vẫn phải lấy dân làm gốc - Chân, Thiện, Mỹ của dân, do dân, vì dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hà Minh Đức (Chủ biên). (1984). *Từ điển văn học (Tập 2)*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, & Nguyễn Khắc Phi (Chủ biên). (2004). *Từ điển văn học (Bộ mới)*. Nhà xuất bản Thế giới.